

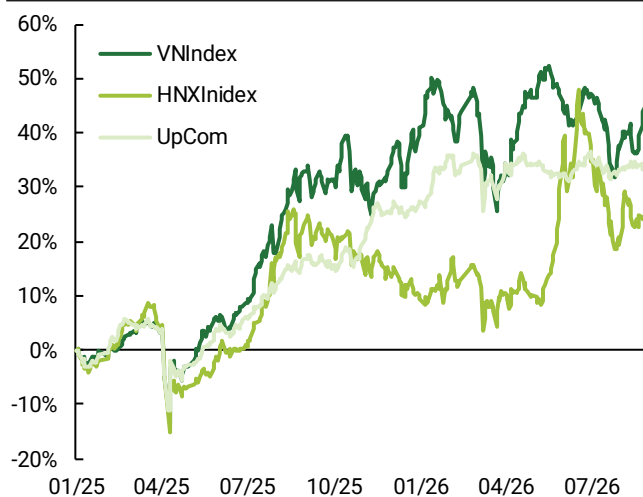
**VN-Index** **1831.56 (0.56%)**  
691 Tr. cổ phiếu 16113.7 Tỷ VND (-19.37%)

**HNX-Index** **281.96 (-0.24%)**  
48 Tr. cổ phiếu 822.6 Tỷ VND (-0.59%)

**UPCOM-Index** **127.16 (0.21%)**  
13 Tr. cổ phiếu 277.1 Tỷ VND (-9.19%)

**VN30F1M** **1980.80 (0.22%)**  
197,885 HD OI: 29,092 HD

### % Hiệu suất từ đầu năm 2025 của các chỉ số



### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1831.6, tăng +10.2 điểm (+0.56%). Thanh khoản giảm với độ rộng thị trường nghiêng về bên bán. Đà tăng cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Áp lực bán tiếp tục chiếm ưu thế trong phiên chiều, song, chỉ số vẫn giữ được sắc xanh nhờ lực kéo ở nhóm vốn hóa lớn, dẫn dắt bởi họ Vin.
- Nhóm ngành và cổ phiếu biến động tích cực trong phiên: Bất động sản: TCH (+1.5%), VRE (+1.6%), VIC (+2.6%) | Ngân hàng: MSB (+2.3%), VPB (+2.4%) | Xây dựng và Vật liệu: CII (+1.7%), HVH (+2.3%), PC1 (+3.4%) | Bán lẻ: DGW (+2.0%), FRT (+2.1%). Diễn biến yếu trong phiên: Dầu khí: PLX (-2.7%), PVD (-2.0%) | Thực phẩm và đồ uống: DBC (-1.7%), ANV (-1.4%) | Điện, nước & xăng dầu khí đốt: POW (-1.1%), NT2 (-0.5%) | Dịch vụ tài chính: CTS (-1.5%), ORS (-1.4%), SSI (-1.1%).
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VIC, VPB, TCB, VPL, ACB - Chiều giảm | TCX, STB, GVR, BSR, VCB
- Khối ngoại Mua ròng gần 200 tỷ đồng, tập trung nhiều ở TCB, HPG, VPB, trong khi bán ròng: VIX, POW, SSI.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên với mẫu nền High Wave, phản ánh biên độ dao động lớn và sự chi phối rõ hơn từ nhóm vốn hóa lớn. Đáng lưu ý, thanh khoản có dấu hiệu suy giảm ngay sau khi chỉ số vượt mốc 1800 điểm, trong khi nhiều nhóm ngành và cổ phiếu vẫn gặp khó tại các vùng kháng cự quan trọng, chưa thể bứt phá. Điều này hàm ý dòng tiền đang trở lại phân hóa. Sự thiếu đồng thuận có thể khiến chỉ số tiếp tục rung lắc và cần củng cố thêm nền giá trong vùng 1800–1830 điểm. Khu vực 1860 điểm hiện là kháng cự gần, trong khi ngưỡng 1780 điểm giữ vai trò hỗ trợ xu hướng.
- Đối với HNX-Index**, chỉ số tiếp tục lưỡng lự và kết phiên với mẫu hình nền Spinning Top. Vận động khả năng còn rung lắc, tích lũy thêm động lượng trong vùng 280 – 290 điểm. Kháng cự quan trọng quanh mức 300 điểm.
- Chiến lược:** NĐT có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại. Tuy nhiên, cần lưu ý độ rộng và khả năng vượt cản của các cổ phiếu trong thời gian tới. Nếu chỉ số đi lên nhưng độ rộng kém đi, và nhiều cổ phiếu vẫn thất bại trong việc bứt phá các kháng cự quan trọng, đó là dấu hiệu xu hướng tăng kém bền và gia tăng rủi ro đảo chiều. Với khẩu vị rủi ro cao, có thể giao dịch ngắn hạn theo dòng tiền. Nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Chứng khoán, Dầu khí, Bán lẻ.

### CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Theo dõi MBB (Xem tiếp tại trang 7)

### Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

| Chỉ số                      | Giá đóng cửa |        |        |        | % Thay đổi |  |  |  |
|-----------------------------|--------------|--------|--------|--------|------------|--|--|--|
|                             |              | (%) 1D | (%) 1W | (%) 1M |            |  |  |  |
| <b>Theo chỉ số</b>          |              |        |        |        |            |  |  |  |
| VN-Index                    | 1,831.6      | 0.6%   | 5.6%   | 9.7%   |            |  |  |  |
| HNX-Index                   | 282.0        | -0.2%  | 1.2%   | 4.7%   |            |  |  |  |
| UPCOM-Index                 | 127.2        | 0.2%   | -0.1%  | 0.7%   |            |  |  |  |
| VN30                        | 1,979.2      | 0.5%   | 4.9%   | 9.6%   |            |  |  |  |
| VNMID                       | 1,975.7      | 0.0%   | 4.0%   | 9.9%   |            |  |  |  |
| VNSML                       | 1,263.4      | -0.3%  | 1.5%   | 5.2%   |            |  |  |  |
| <b>Theo ngành (VNIndex)</b> |              |        |        |        |            |  |  |  |
| Ngân hàng                   | 642.6        | 0.4%   | 3.69%  | 9.2%   |            |  |  |  |
| Bất động sản                | 1,028.0      | 1.7%   | 12.8%  | 11.7%  |            |  |  |  |
| Dịch vụ tài chính           | 291.9        | -0.8%  | 4.2%   | 10.5%  |            |  |  |  |
| Công nghiệp                 | 233.5        | -0.1%  | 1.7%   | 11.0%  |            |  |  |  |
| Tài nguyên cơ bản           | 490.0        | 0.6%   | 4.5%   | 8.8%   |            |  |  |  |
| Xây dựng - Vật Liệu         | 159.0        | 0.1%   | 1.5%   | 10.1%  |            |  |  |  |
| Thực phẩm                   | 503.1        | -0.3%  | 0.8%   | 6.4%   |            |  |  |  |
| Bán Lẻ                      | 1,449.1      | 0.5%   | 0.7%   | 22.8%  |            |  |  |  |
| Công nghệ                   | 389.7        | -0.5%  | 3.4%   | 14.8%  |            |  |  |  |
| Hóa chất                    | 170.1        | -1.2%  | 3.7%   | 20.0%  |            |  |  |  |
| Tiện ích                    | 762.7        | -0.3%  | 0.3%   | 14.1%  |            |  |  |  |
| Dầu khí                     | 107.4        | -1.7%  | -2.0%  | 12.9%  |            |  |  |  |
| Dược phẩm                   | 394.5        | 0.2%   | 1.6%   | 4.0%   |            |  |  |  |
| Bảo hiểm                    | 101.2        | 1.1%   | -2.8%  | 10.5%  |            |  |  |  |

| Giá trị giao dịch (Tỷ VND) | % Biến động giá trị giao dịch so với |                    |                     |
|----------------------------|--------------------------------------|--------------------|---------------------|
|                            | 01 phiên trước                       | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng |
| 16,113.7                   | -19.4%                               | 18.8%              | 10.0%               |
| 822.6                      | -0.6%                                | 56.1%              | -8.4%               |
| 277.1                      | -9.2%                                | -41.8%             | -49.3%              |
| 9,766.8                    | -24.0%                               | 21.1%              | 24.9%               |
| 5,305.0                    | -13.4%                               | 16.1%              | 3.1%                |
| 784.7                      | 7.8%                                 | 28.1%              | 21.9%               |

| Khối lượng giao dịch (Triệu CP) | % Biến động khối lượng giao dịch so với |                    |                     |
|---------------------------------|-----------------------------------------|--------------------|---------------------|
|                                 | 01 phiên trước                          | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng |
| 691.2                           | -13.6%                                  | 47.4%              | 8.3%                |
| 47.6                            | 0.0%                                    | 60.3%              | -18.2%              |
| 13.3                            | -18.8%                                  | -53.7%             | -66.7%              |
| 259.5                           | -27.5%                                  | 27.5%              | 6.5%                |
| 281.0                           | -7.7%                                   | 34.8%              | -8.2%               |
| 64.5                            | 11.9%                                   | 57.1%              | 31.3%               |

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

### Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

| Chỉ số              | Thị trường  | Giá đóng cửa | % Thay đổi giá |        | Chỉ số định giá |      |
|---------------------|-------------|--------------|----------------|--------|-----------------|------|
|                     |             |              | 1 ngày         | YTD    | P/E             | P/B  |
| VN-Index            | Việt Nam    | 1,831.6      | 0.56%          | 2.6%   | 13.9x           | 2.0x |
| SET-Index           | Thái Lan    | 1,601        | -0.08%         | 27.1%  | 15.1x           | 1.5x |
| JCI-Index           | Indonesia   | 6,522        | 1.81%          | -24.6% | 14.2x           | 1.8x |
| FTSE Bursa Malaysia | Malaysia    | 12,892       | -0.18%         | 4.8%   | 16.7x           | 1.5x |
| PSEi Index          | Phillipines | 6,005        | -2.16%         | -0.8%  | 9.0x            | 1.2x |
| Shanghai Composite  | Trung Quốc  | 3,957        | 1.13%          | -0.3%  | 19.8x           | 1.5x |
| Hang Seng           | Hồng Kông   | 25,566       | -0.34%         | -0.3%  | 13.3x           | 1.3x |
| Nikkei 225          | Nhật Bản    | 66,132       | -0.20%         | 31.4%  | 21.6x           | 2.9x |
| S&P 500             | Mỹ          | 7,676        | -0.02%         | 12.1%  | 26.0x           | 5.6x |
| Dow Jones           | Mỹ          | 53,464       | -0.21%         | 11.2%  | 23.4x           | 5.9x |
| FTSE 100            | Anh         | 10,841       | -0.34%         | 9.2%   | 15.0x           | 2.4x |
| Euro Stoxx 50       | Châu Âu     | 6,463        | -0.12%         | 11.6%  | 17.5x           | 2.5x |
|                     |             |              |                |        |                 |      |
| DXV                 |             | 99.2         | 0.29%          | 0.9%   |                 |      |
| USDVND              |             | 26,087       | -0.046%        | -0.8%  |                 |      |

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

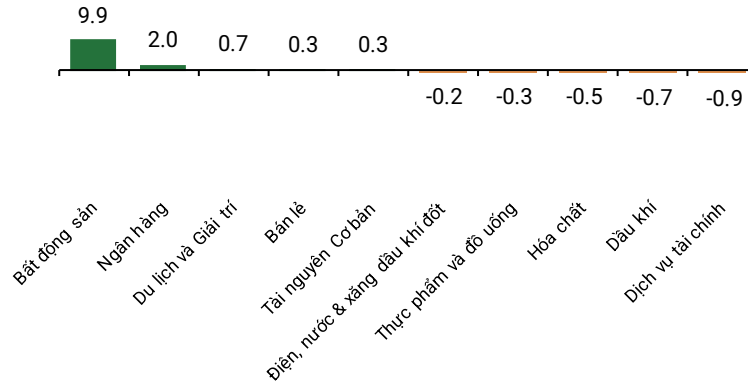
### Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

| Giá/ Chỉ số hàng hóa      |  | % Thay đổi giá |       |        |        |
|---------------------------|--|----------------|-------|--------|--------|
|                           |  | 1D             | 1M    | % YTD  | % YoY  |
| Dầu Brent                 |  | 0.57%          | 0.0%  | 45.2%  | 29.8%  |
| Dầu WTI                   |  | 0.16%          | -0.3% | 43.4%  | 28.4%  |
| Khí gas                   |  | 1.5%           | 4.2%  | -21.8% | 0.6%   |
| Than cốc (*)              |  | 0.0%           | 2.8%  | 27.8%  | 23.5%  |
| Thép HRC (*)              |  | -0.1%          | 1.2%  | 1.8%   | -3.2%  |
| PVC (*)                   |  | -0.7%          | -4.1% | -3.8%  | -10.8% |
| Phân Urea (*)             |  | 0.0%           | 0.0%  | -1.8%  | -21.0% |
| Cao su thiên nhiên        |  | 1.1%           | 9.6%  | 32.9%  | 39.0%  |
| Bông Cotton               |  | 0.6%           | 11.3% | 37.5%  | 35.1%  |
| Đường                     |  | 1.4%           | 22.3% | 18.8%  | 8.3%   |
| World Container Index     |  | -1.2%          | 2.3%  | 102.1% | 98.8%  |
| Baltic Dirty tanker Index |  | -1.2%          | 10.4% | 116.1% | 175.2% |
|                           |  |                |       |        |        |
| Vàng                      |  | 0.08%          | 12.7% | 6.4%   | 35.2%  |
| Bạc                       |  | 0.31%          | 17.1% | -4.6%  | 77.0%  |

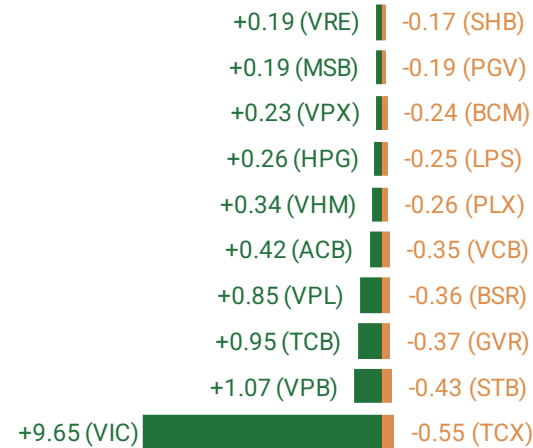
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (\*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

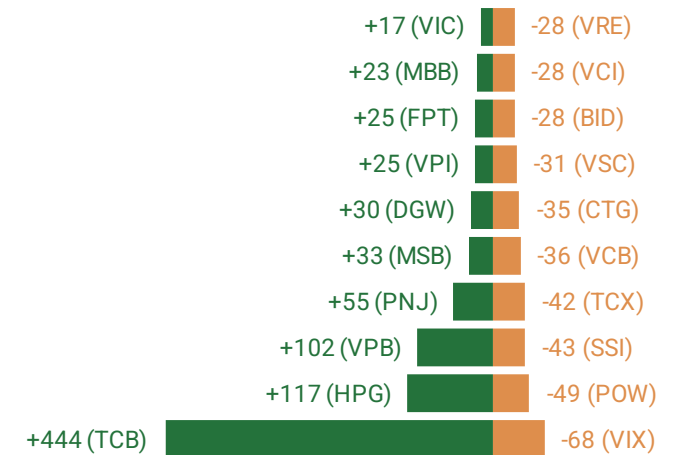
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



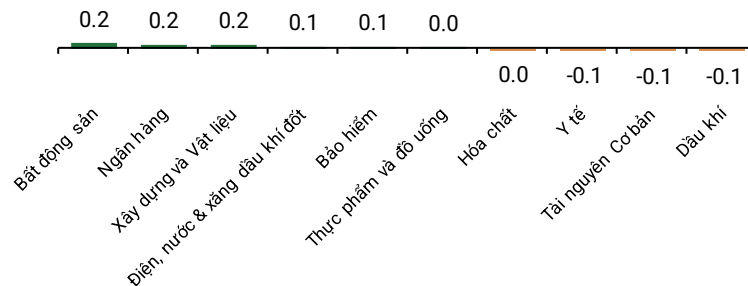
### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



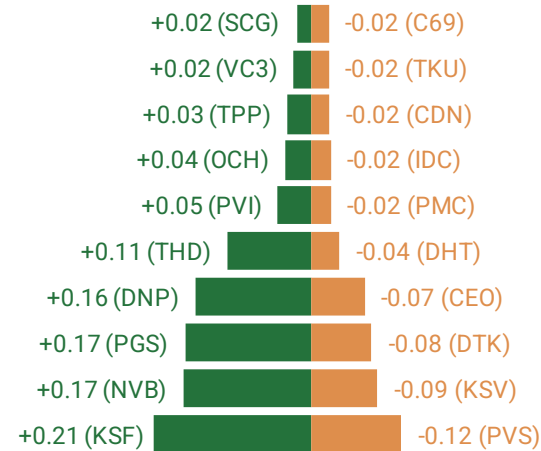
### TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



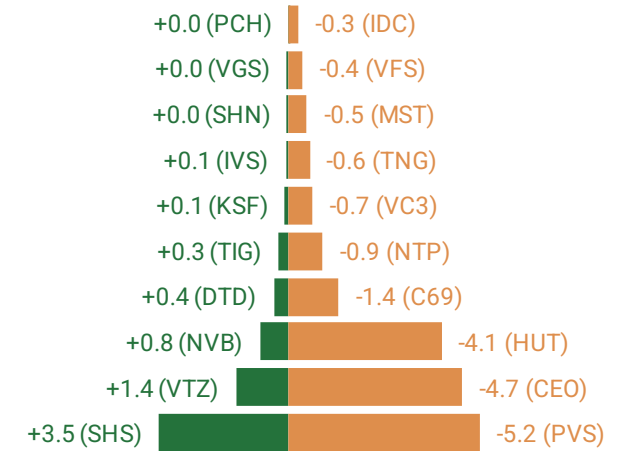
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



|         | VIC   | TCB   | VPB  | VIX   | HPG  |
|---------|-------|-------|------|-------|------|
| %DoD    | 2.6%  | 1.9%  | 2.4% | -0.7% | 0.7% |
| Giá trị | 1,996 | 1,113 | 815  | 527   | 427  |

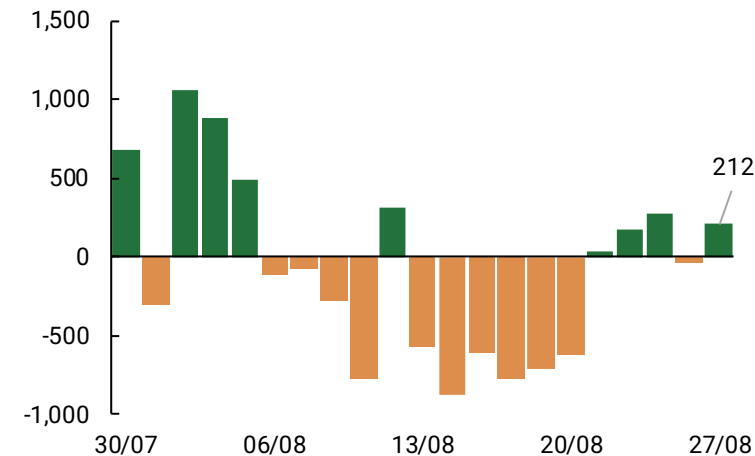
### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



|         | MSB  | ORS   | VIX   | SSI   | HDB  |
|---------|------|-------|-------|-------|------|
| %DoD    | 2.3% | -1.4% | -0.7% | -1.2% | 0.2% |
| Giá trị | 499  | 218   | 139   | 136   | 128  |

## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



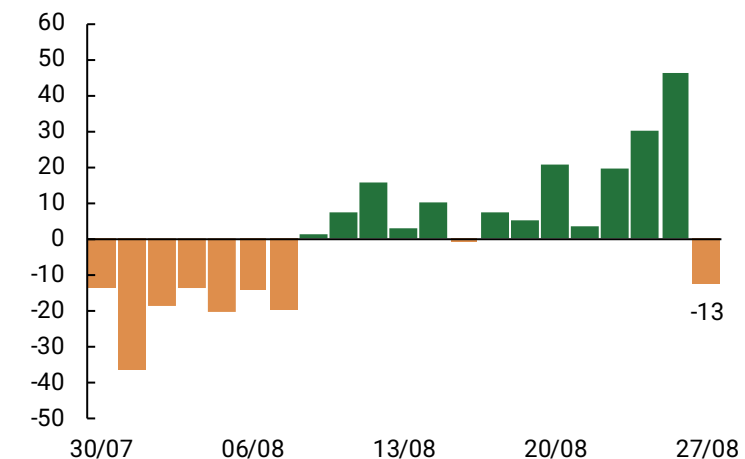
|         | SHS  | PVS   | CEO   | MBS  | VC3  |
|---------|------|-------|-------|------|------|
| %DoD    | 0.0% | -1.0% | -1.5% | 0.0% | 1.3% |
| Giá trị | 101  | 79    | 64    | 42   | 32   |

### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



|         | CAR  | HUT  | NVB  | MST  | PVS   |
|---------|------|------|------|------|-------|
| %DoD    | 0.0% | 0.0% | 0.8% | 0.0% | -1.0% |
| Giá trị | 12   | 8    | 5    | 1    | 0     |

### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





### Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến tăng High Wave, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1700 | 1780.
- ✓ Kháng cự: 1860.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật.

**Kịch bản:** Chỉ số đã vượt thành công mốc 1800 điểm, củng cố mục tiêu hướng tới khu vực 1860 điểm. Dù vậy, động lực tăng đang dựa vào nhóm vốn hóa lớn, độ rộng có dấu hiệu suy yếu là điều cần chú ý các phiên tới, hiện chưa suy giảm đáng kể. Vận động có thể tiếp tục rung lắc tái tạo đà trong chiều đi lên, với hỗ trợ gần hiện là khu vực 1760 – 1780 điểm.



### Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến xanh thân nhỏ, vol dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1840 | 1920
- ✓ Kháng cự: 2000.
- ✓ MACD, RSI cải thiện.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật.
- ✓ **Kịch bản:** Chỉ số bút phá thành công kháng cự 1960, củng cố mục tiêu hướng về khu vực 2000 điểm. Dù vậy, thanh khoản hợt cho thấy dòng tiền thận trọng hơn. Vận động có thể tiếp tục rung lắc quanh vùng 1960 - 1980 để tái tạo thêm đà. Hỗ trợ gần được nâng lên quanh mức 1920 điểm.

| STOCK    |     | STRATEGY | Technical     |                | Financial Ratio  |              |        |
|----------|-----|----------|---------------|----------------|------------------|--------------|--------|
| Ticker   | MBB | WATCH    | Current price | 21.05          | P/E (x)          | 6.1          |        |
|          |     |          | Watch zone    | 20.4 - 20.6    | P/B (x)          | 1.2          |        |
| Exchange |     |          | HOSE          | Target price   | 22.5             | EPS          | 3442.2 |
|          |     |          |               | Cut loss price | 19.6             | ROE          | 20.9%  |
| Sector   |     |          | Banks         |                |                  | Stock Rating | BBB    |
|          |     |          |               |                | Scale Market Cap | Large        |        |



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá trở lại vận động trên ngưỡng MA20, MA50 ngày.
- Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu và cải thiện trên miền dương, trong khi RSI cũng duy trì trên ngưỡng trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
- MA20 cắt lên MA50 sẽ giúp củng cố vị thế trung hạn.

➔ Xu hướng tích lũy nền giá mới và có thể tiếp tục quán tính tăng.

➔ Khuyến nghị Theo dõi, nếu giá điều chỉnh kiểm định tốt khu vực 20.4 – 20.6 có thể cân nhắc.

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá hành động | LN/Lỗ thực hiện | Giá mục tiêu | LN kỳ vọng | Giá cắt lỗ | Rủi ro giảm | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|-----------------|--------------|------------|------------|-------------|---------|
| 1   | MBB   | Theo dõi    | 28/08/2026       | 21.05        | 20.4 - 20.6   | -               | 22.5         | 9.8%       | 19.6       | -4.4%       |         |

## Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Ngày cập nhật khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN kỳ vọng | Giá cắt lỗ | Rủi ro giảm | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|---------------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|-------------|---------|
| 1   | MCH   | Mua         | 30/07/2026       | -                         | 142          | 135 - 136     | 4.8%           | 150          | 10.7%      | 129        | -4.8%       |         |
| 2   | VCB   | Mua         | 07/08/2026       | -                         | 60.1         | 58.5 - 59     | 2.3%           | 65           | 10.6%      | 55.5       | -5.5%       |         |
| 3   | HDB   | Mua         | 10/08/2026       | -                         | 27.8         | 26.2 - 26.6   | 5.3%           | 28.6         | 8.3%       | 25.4       | -3.8%       |         |
| 4   | CTR   | Mua         | 11/08/2026       | -                         | 77.0         | 74.6 - 75.6   | 2.7%           | 83           | 10.7%      | 71.5       | -4.7%       |         |
| 5   | BSR   | Mua         | 12/08/2026       | -                         | 26.5         | 25.8 - 26.2   | 1.9%           | 29           | 11.5%      | 24.5       | -5.8%       |         |
| 6   | SAB   | Mua         | 12/08/2026       | -                         | 45.8         | 45.4 - 45.8   | 0.3%           | 50           | 9.6%       | 43.5       | -4.6%       |         |
| 7   | DGW   | Mua         | 13/08/2026       | -                         | 43.1         | 40.5 - 41.5   | 5.1%           | 45           | 9.8%       | 38.5       | -6.1%       |         |
| 8   | VGC   | Mua         | 24/08/2026       | -                         | 40.7         | 40 - 41       | 0.5%           | 45           | 11.1%      | 38.5       | -4.9%       |         |





## Tín hiệu kỹ thuật

- **Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1980.8, tăng 4.3 điểm (+0.2%). Giá giao dịch thận trọng trong phiên sáng nhưng nỗ lực bứt phá đã thành công trong phiên chiều.
- **Ở đồ thị 1 giờ**, chỉ báo MACD duy trì trên đường tín hiệu, ủng hộ cho động lượng tăng. Tuy nhiên, RSI đang tiếp cận mức quá mua cao, giá có thể cần hạ nhiệt để củng cố lại đà. Khu vực kiểm định kỳ vọng quanh 1972 – 1980. Vị thế Long cân nhắc khi giá có phản ứng tốt và bật tăng trở lại trên ngưỡng 1975. Trong trường hợp giá không hạ nhiệt về vùng chờ, có thể tham gia khi vận động bứt phá và củng cố trên ngưỡng 1985. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1966.
- **Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1880.2, giảm 5.5 điểm (-0.3%). Độ lệch basis 7.9 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 81 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1870 điểm, trong khi kháng cự là ngưỡng 1900 điểm.

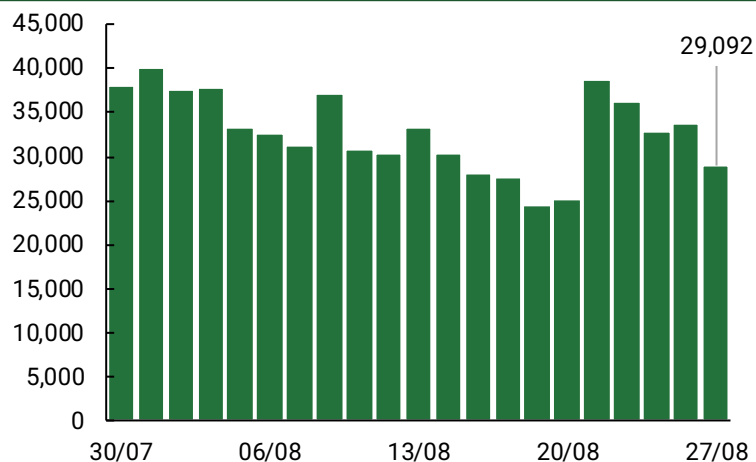
## Chiến lược giao dịch trong ngày

| Vị thế | Điểm vào | Chốt lời | Cắt lỗ | Lợi nhuận/Rủi ro |
|--------|----------|----------|--------|------------------|
| Long   | > 1975   | 1989     | 1967   | 14 : 8           |
| Long   | > 1985   | 2000     | 1975   | 15 : 10          |
| Short  | < 1966   | 1952     | 1974   | 14 : 8           |

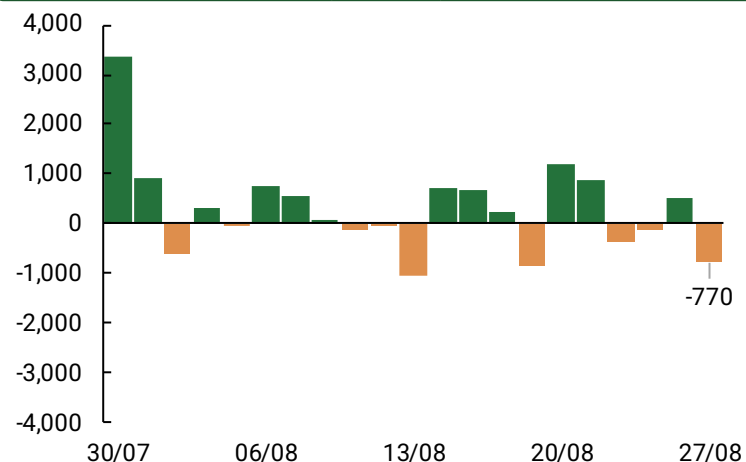
## Thống kê hợp đồng tương lai

| Mã hợp đồng | Giá đóng cửa | Thay đổi (điểm) | KL giao dịch | KL Mở  | Giá lý thuyết | Chênh lệch | Ngày thanh toán | Thời hạn còn lại (ngày) |
|-------------|--------------|-----------------|--------------|--------|---------------|------------|-----------------|-------------------------|
| 4111H3000   | 1,979.0      | -1.0            | 110          | 208    | 1,998.1       | -19.1      | 18/03/2027      | 203                     |
| 4111GC000   | 1,976.1      | 3.7             | 63           | 534    | 1,989.6       | -13.5      | 17/12/2026      | 112                     |
| 4111GA000   | 1,978.0      | 3.9             | 373          | 419    | 1,983.8       | -5.8       | 15/10/2026      | 49                      |
| 4111G9000   | 1,980.8      | 4.3             | 197,885      | 29,092 | 1,981.2       | -0.4       | 17/09/2026      | 21                      |
| 4112G9000   | 1,880.2      | -5.5            | 81           | 40     | 1,889.9       | -9.7       | 17/09/2026      | 21                      |

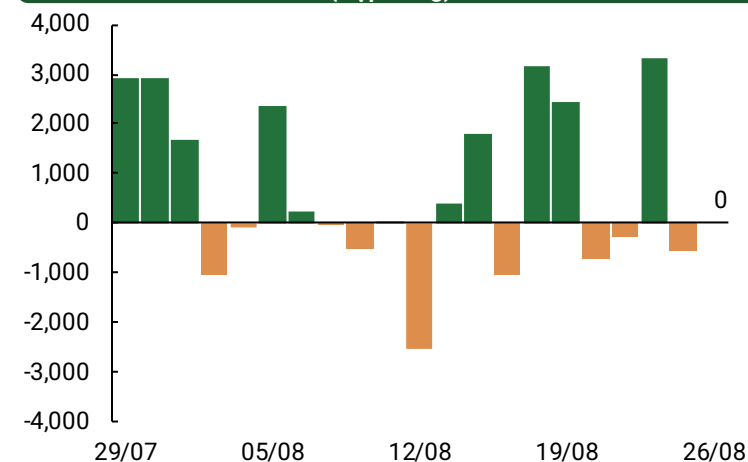
Khối lượng mở (Open interest)



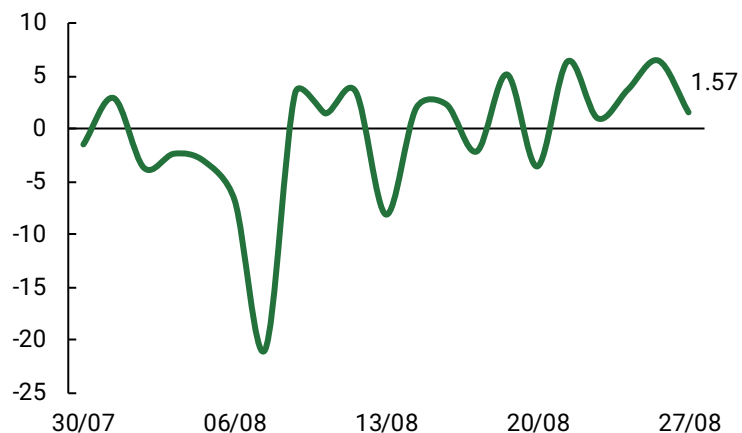
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại  
(Hợp đồng)



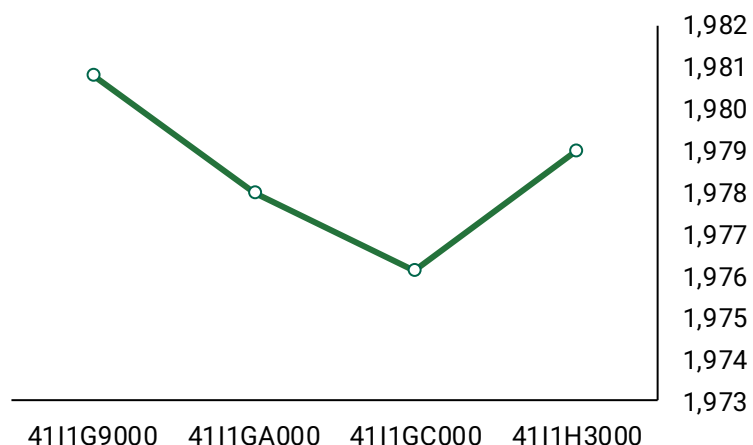
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh  
(Hợp đồng)



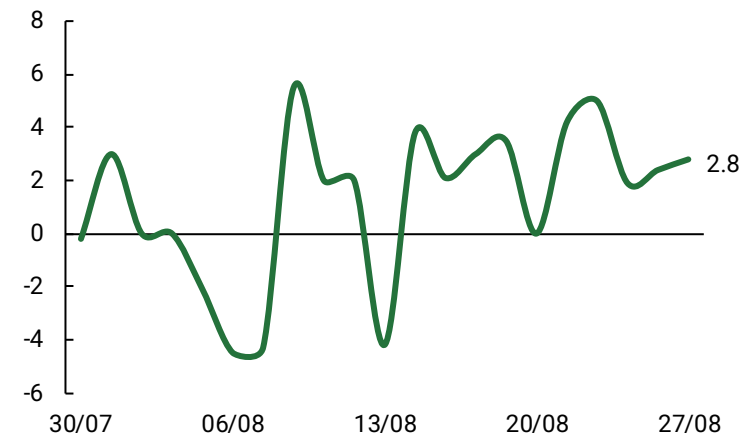
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M – VN30F2M



### THÔNG TIN VĨ MÔ

**Vốn FDI đổ mạnh vào lĩnh vực công nghệ cao:** Nửa đầu năm 2026, tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam đạt 34.65 tỷ USD, tăng 61% so với cùng kỳ; riêng lĩnh vực sản xuất thu hút 18.47 tỷ USD, chiếm hơn một nửa tổng vốn đăng ký. Dù số dự án FDI sản xuất mới giảm từ 759 xuống 468 dự án, vốn đăng ký mới vẫn đạt 10.71 tỷ USD. Lĩnh vực máy tính, điện tử và sản phẩm quang học thu hút hơn 7.03 tỷ USD, chiếm gần 66% vốn FDI sản xuất mới; trong đó vốn vào ngành điện tử tăng 614% so với cùng kỳ.

**Sân bay Gia Bình mở rộng năng lực kết nối kinh tế phía Bắc:** Cảng hàng không quốc tế Gia Bình được định hướng phát triển theo mô hình trung tâm kinh tế hàng không, tích hợp hàng không với logistics, thương mại và dịch vụ. Theo quy hoạch, sân bay đạt cấp 4F theo tiêu chuẩn ICAO, với công suất đến năm 2030 khoảng 30 triệu hành khách và 1.6 triệu tấn hàng hóa mỗi năm. Trong bối cảnh Bắc Ninh đạt khoảng 106.4 tỷ USD kim ngạch xuất nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm, sân bay Gia Bình được kỳ vọng bổ sung thêm năng lực logistics nhanh cho các ngành điện tử, bán dẫn, linh kiện chính xác và công nghệ cao.

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**QNS - Nhóm NutiFood muốn mua thêm 1 triệu cổ phiếu:** Hai doanh nghiệp thuộc NutiFood đăng ký mua tổng cộng 1 triệu cổ phiếu QNS trong giai đoạn 3/9-1/10/2026. Tạm tính theo giá khoảng 46,800 đồng/cp, lượng cổ phiếu đăng ký mua có giá trị gần 47 tỷ đồng. Nếu giao dịch hoàn tất, nhóm NutiFood sẽ nắm gần 30.9 triệu cổ phiếu QNS, tương đương khoảng 8.4% vốn Đường Quảng Ngãi; riêng mảng sữa đậu nành của QNS đạt khoảng 2,740 tỷ đồng doanh thu trong nửa đầu năm, tăng hơn 20% YoY.

**QCG - Tiếp tục xử lý khoản nợ hơn 1,500 tỷ đồng liên quan bà Trương Mỹ Lan:** Quốc Cường Gia Lai sẽ lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong quý III/2026, sau khi có thay đổi người đại diện phần vốn góp tại CTCP Bến Du thuyền Đà Nẵng. Tại ngày 30/6/2026, QCG đã hoàn trả 1,300 tỷ đồng trong tổng nghĩa vụ 2,882.8 tỷ đồng liên quan hợp đồng dự án Bắc Phước Kiến. Số dư phải trả Công ty CP Đầu tư Sunny Island còn 1,582.8 tỷ đồng, trong khi một số hồ sơ đền bù, giải phóng mặt bằng dự án Phước Kiến vẫn do Cơ quan Thi hành án giữ.

**FPT - Gia hạn hợp tác chiến lược với Chelsea:** FPT và Chelsea FC công bố gia hạn quan hệ hợp tác chiến lược trong mùa giải 2026/27. Trong giai đoạn hợp tác trước đó, FPT đã tham gia triển khai các dự án công nghệ như Megastore Express và nền tảng Official Supporters Club cho câu lạc bộ. Hai bên sẽ tiếp tục phát triển các giải pháp số và ứng dụng AI nhằm cải thiện trải nghiệm người hâm mộ tại sân Stamford Bridge và trên toàn cầu.

**TCB - KB Kookmin lên tiếng về khả năng mua cổ phần Techcombank:** KB Kookmin Bank cho biết Techcombank chỉ là một trong số nhiều tổ chức tài chính được ngân hàng này xem xét khi tìm kiếm cơ hội mở rộng hoạt động. Trước đó, Reuters đưa tin KB Kookmin và BNP Paribas đang đàm phán riêng để mua ít nhất 15% cổ phần Techcombank, với quy mô thương vụ được nhắc tới khoảng 2 tỷ USD. Techcombank hiện là một trong số ít ngân hàng tư nhân lớn tại Việt Nam chưa có cổ đông chiến lược nước ngoài kể từ khi HSBC thoái vốn năm 2017.

|               |                                                                                                                                         |
|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 03/08         | Mỹ, Trung Quốc, EU – Chỉ số PMI<br>Việt Nam – Chỉ số PMI,<br>Danh mục VN30, VN100 có hiệu lực,<br>Báo cáo kinh tế – xã hội tháng 7/2026 |
| 07/08         | Mỹ – Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi<br>nông nghiệp                                                                                   |
| 09/08         | Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI                                                                                                            |
| 11/08         | Úc – RBA họp và công bố lãi suất                                                                                                        |
| 12/08         | Mỹ – Chỉ số CPI                                                                                                                         |
| 13/08         | Việt Nam – MSCI công bố danh mục<br>Mỹ – Chỉ số PPI                                                                                     |
| 14/08         | Việt Nam – Hạn BCTC Q2/2026 soát xét                                                                                                    |
| 17/08         | Trung Quốc – Sản xuất công nghiệp,<br>Doanh số bán lẻ                                                                                   |
| 20/08         | Mỹ – Biên bản cuộc họp FOMC<br>Việt Nam – Đáo hạn HĐTL                                                                                  |
| 26/08         | Mỹ – Chỉ số PCE, ước tính GDP                                                                                                           |
| 27 –<br>29/08 | Mỹ - Hội nghị kinh tế Jackson Hole                                                                                                      |

| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/<br>Downside | Khuyến nghị   |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| BCM   | 43,350  | 73,400       | 69.3%               | Mua           |
| CTG   | 31,900  | 40,700       | 27.6%               | Mua           |
| CTD   | 62,800  | 82,900       | 32.0%               | Mua           |
| DBD   | 48,150  | 66,000       | 37.1%               | Mua           |
| DDV   | 18,075  | 35,900       | 98.6%               | Mua           |
| DGW   | 43,100  | 47,500       | 10.2%               | Tăng tỷ trọng |
| DPG   | 29,550  | 42,300       | 43.1%               | Mua           |
| DPR   | 37,350  | 46,500       | 24.5%               | Mua           |
| DRI   | 14,121  | 17,200       | 21.8%               | Mua           |
| EVF   | 12,450  | 14,400       | 15.7%               | Tăng tỷ trọng |
| FRT   | 145,900 | 151,000      | 3.5%                | Nắm giữ       |
| GMD   | 79,800  | 88,900       | 11.4%               | Tăng tỷ trọng |
| HAH   | 48,100  | 58,300       | 21.2%               | Mua           |
| HDG   | 16,500  | 30,900       | 87.3%               | Mua           |
| HHV   | 10,150  | 11,700       | 15.3%               | Tăng tỷ trọng |
| HPG   | 22,200  | 34,200       | 54.1%               | Mua           |
| IMP   | 38,900  | 54,400       | 39.8%               | Mua           |
| KDH   | 18,400  | 38,800       | 110.9%              | Mua           |
| MCH   | 142,000 | 148,500      | 4.6%                | Nắm giữ       |
| MWG   | 75,900  | 115,600      | 52.3%               | Mua           |

| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/<br>Downside | Khuyến nghị   |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| MBB   | 21,050  | 27,500       | 30.6%               | Mua           |
| NLG   | 24,400  | 39,400       | 61.5%               | Mua           |
| NT2   | 21,000  | 27,700       | 31.9%               | Mua           |
| PHR   | 61,700  | 72,800       | 18.0%               | Tăng tỷ trọng |
| PNJ   | 41,900  | 75,500       | 80.2%               | Mua           |
| PVS   | 39,100  | 39,900       | 2.0%                | Nắm giữ       |
| PVT   | 20,200  | 26,000       | 28.7%               | Mua           |
| POW   | 13,150  | 15,000       | 14.1%               | Tăng tỷ trọng |
| SAB   | 45,750  | 54,900       | 20.0%               | Tăng tỷ trọng |
| SSI   | 21,400  | 31,200       | 45.8%               | Mua           |
| TLG   | 52,800  | 50,000       | -5.3%               | Giảm tỷ trọng |
| TCB   | 34,100  | 41,700       | 22.3%               | Mua           |
| TCM   | 17,300  | 35,300       | 104.0%              | Mua           |
| TRC   | 88,000  | 91,800       | 4.3%                | Nắm giữ       |
| VCB   | 60,100  | 79,700       | 32.6%               | Mua           |
| VPB   | 27,400  | 36,500       | 33.2%               | Mua           |
| VCG   | 15,950  | 23,300       | 46.1%               | Mua           |
| VHC   | 52,300  | 58,000       | 10.9%               | Tăng tỷ trọng |
| VNM   | 62,500  | 66,650       | 6.6%                | Nắm giữ       |

\* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

### **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

### **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)**

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### **Chi nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5 - Văn phòng C, Tòa nhà Taisei Square Hanoi - số 289 đường Khuất Duy Tiến, phường Đại Mỗ, Tp.Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801